

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 10 - 9 - 2022

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Kim Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Hòa Hiệp

Ông Trần Ngọc Đăng

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Nhựt Minh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 10 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 29/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2021 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2022 và thông báo về phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án số: 24/TB-TA ngày 31 tháng 8 năm 2022 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Số I, Tổ A, ấp C, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2. *Bị đơn:* Anh C, K - Y, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Số A N, khóm D, làng T, thôn M, huyện G, Đ.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đơn khởi kiện ngày 26 tháng 02 năm 2021 và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

Về hôn nhân: Chị T và anh C, K1 có quen biết nhau tại Đ 01 năm có tìm hiểu nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện T và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 26/2019 ngày 23/9/2019.

Thời gian đầu vợ chồng sống chung hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn do anh **Chen K2** - **Y** uống rượu nhiều nên thường xuyên cãi vã nhau. Vì vậy mục đích hôn nhân không đạt được, chị **T** yêu cầu được ly hôn với anh **C**, **K2** - **Y**.

Về nuôi con: Vợ chồng không có con chung.

Về chia tài sản: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Anh **C**, **K2** - **Y**uan không có văn bản ghi ý kiến trình bày gửi đến Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của chị **T**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị **T** có địa chỉ tại **huyện T, tỉnh Đồng Tháp, V**, là công dân **V** khởi kiện xin ly hôn với anh **C, K2 – Y**. Anh **C, K2 – Y** có địa chỉ tại **huyện G, Đ**, quốc tịch **T (Đ)** là công dân nước ngoài. Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài, quan hệ pháp luật tranh chấp “Ly hôn”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa gia đình và người chưa thành niên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, và áp dụng pháp luật Việt Nam để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 2 Điều 38 và điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Anh **C, K2 - Y** đã nhận được tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt, không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh **C, K2 - Y** theo quy định tại **điểm a khoản 5 Điều 477 của** Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Chị **T**, anh **C, K2 – Y** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được **Ủy ban nhân dân huyện T**, tỉnh Đồng Tháp cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 26/2019 ngày 23/9/2019 phù hợp quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được 03 tháng thì anh **C, K2 - Y** về **Đ** sinh sống và vợ chồng xa nhau từ đó cho đến nay. Vợ chồng có liên lạc với nhau qua điện thoại thì dần dần phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ngôn ngữ, quan điểm sống, bạo lực gia đình nên thường xuyên cãi vã nhau, đến tháng 09/2021 thì không liên lạc với nhau nữa. Xét thấy, do khoảng cách địa lý, bất đồng về ngôn ngữ, vợ chồng xa nhau đã lâu, không hàn gắn được tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa, chị **T** xác định không còn tình cảm vợ chồng và không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với anh **C, K2 - Y**. Hội

đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị **T**.

[4] Về nuôi con, chia tài sản và nợ chung: Chị **T** trình bày vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung và không có nợ chung. Anh **C**, **K2** - Yuan không có văn bản ghi ý kiến trình bày về con chung, tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị **T** phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

[6] Về lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài: Chị **T** phải chịu theo quy định.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 2 Điều 38, khoản 4 Điều 147, các Điều 153, 469 và 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27, Điều 44 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Nguyễn Thị Thanh T**.

1. Về hôn nhân: Cho chị **Nguyễn Thị Thanh T** ly hôn với anh **C**, **K2** - **Y**.

2. Về nuôi con: Không xem xét giải quyết.

3. Về chia tài sản và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị **Nguyễn Thị Thanh T** phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị **T** đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0004523 ngày 29/10/2021 tại Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Đồng Tháp. Chị **T** đã nộp xong tiền án phí sơ thẩm.

5. Về lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài: Chị **Nguyễn Thị Thanh T** phải chịu 200.000 đồng lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài nhưng được khấu trừ vào số tiền 200.000 đồng chị **T** đã nộp theo Biên lai thu tiền phí, lệ phí số

0004811 ngày 15/11/2021 tại Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Đồng Tháp. Chị **T** đã nộp xong tiền án phí sơ thẩm.

Chị **Nguyễn Thị Thanh T** còn phải chịu chi phí dịch thuật, lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài để tổng đạt bản án cho anh **C, K2** - Yuan theo các hóa đơn chứng từ dịch thuật.

6. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án của Tòa án cấp sơ thẩm lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh. Chị **T** có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh **C, K2** - **Y** có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA**

Nơi nhận:

PHIÊN TÒA

- VKSND Tỉnh;
- Cục THADS Tỉnh;
- Phòng KTNV-THA TAT
- Các đương sự;
- UBND H. Tháp Mười (khi có HL);
- Lưu HS, VT (Minh).

Huỳnh Kim Oanh